

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Nội dung phục vụ công tác khảo sát xây dựng dự án do KfW tài trợ
(Tài liệu phục vụ theo Công văn số 817/DALN-QLTV ngày 20/6/2023
của Ban Quản lý các dự Lâm Nghiệp)

Thực hiện Công văn số 817/DALN-QLTV ngày 20/6/2023 của Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp về việc Đoàn công tác khảo sát xây dựng dự án do KfW tài trợ tại tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi,

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo các nội dung như sau:

A. THỰC TRẠNG LÂM NGHIỆP

I. Tổng quan về hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh

1. Tổng diện tích rừng có đến 30/12/2022: 333.050 ha; trong đó:

a) Trong quy hoạch phát triển rừng: 257.554 ha; gồm:

- Phòng hộ: 114.171 ha; (rừng tự nhiên: 82.508 ha; rừng trồng: 24.116 ha; rừng trồng chưa đủ tiêu chí thành rừng: 7.547 ha)

- Sản xuất: 143.383 ha; (rừng tự nhiên: 22.742 ha; rừng trồng: 79.481 ha; rừng trồng chưa đủ tiêu chí thành rừng: 41.160 ha)

b) Ngoài quy hoạch phát triển rừng: 75.496 ha; (rừng tự nhiên: 1.422 ha; rừng trồng: 52.726 ha; rừng trồng chưa đủ tiêu chí thành rừng: 21.348 ha)

(có Phụ biểu 01 kèm theo).

c) Theo chủ quản lý:

- Ban Quản lý rừng phòng hộ: 96.158 ha;

- Tổ chức kinh tế: 11.272 ha;

- Lực lượng vũ trang: 219 ha;

- Tổ chức KH&CN, ĐT, GD: 62 ha;

- Hộ gia đình: 182.312 ha;

- Cộng đồng dân cư: 22.813 ha;

- UBND cấp xã: 20.214 ha.

2. Về đa dạng sinh học

a) Giai đoạn 7/2010-7/2012, một số nghiên cứu tại khu vực vùng rừng Cao Muôn thuộc huyện Ba Tơ và Cà Đam thuộc huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi

* Ở vùng rừng Cao Muôn và Cà Đam đã xác định được:

- 195 loài nấm lớn (Cao Muôn: 111 loài và Cà Đam: 148 loài)
- 530 loài thực vật bậc cao có mạch (Cao Muôn 424 loài và Cà Đam 528 loài);
- 521 loài côn trùng (số loài ở hai vùng tương đương nhau)
- 106 loài cá xương (Cao Muôn: 73 loài và Cà Đam: 81 loài)
- 122 loài LC - BS (Cao Muôn: 102 loài và Cà Đam: 74 loài)
- 296 loài Chim (cả hai vùng tương đương nhau)
- 70 loài Thú (Cao Muôn: 67 loài và Cà Đam: 70 loài).

* Đã xác định được thành phần các loài thực vật bậc cao, nấm, động vật có xương sống và côn trùng phân bố theo các đai cao, theo sinh cảnh, đánh giá được các giá trị tài nguyên của chúng ở hai vùng rừng Cao Muôn và Cà Đam. Sinh thái rừng và đặc điểm phân bố của động, thực vật nổi bật đã có hai loại bản đồ số hóa minh họa.

* Đã xác định được số loài sinh vật vùng rừng Cao Muôn và Cà Đam ở các mức độ bảo tồn khác nhau:

- 103 loài được ghi vào SĐVN (2007), trong đó 11 loài đặc biệt nguy cấp (CR), 38 loài nguy cấp (EN) và 51 loài sẽ nguy cấp (VU).

- 45 loài được ghi vào danh lục Đỏ thế giới (IUCN, 2011) bao gồm: 02 loài đặc biệt nguy cấp (CR), 13 loài nguy cấp (EN) và 31 loài sẽ nguy cấp (VU).

- 87 loài có trong các phụ lục của Nghị định số 32/2006/NĐ-CP, trong đó có 27 loài động vật ghi ở phụ lục IB (Nhóm động vật quý hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại) và 60 loài ghi ở phụ lục IIA và IIB (Nhóm động, thực vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại).

- 78 loài được ghi vào các phụ lục của công ước CITES các sinh vật cấm buôn bán xuyên quốc gia.

Đó là những cơ sở khoa học, pháp luật phục vụ cho việc xây dựng khu bảo tồn Loài - Sinh cảnh ở cả hai vùng rừng này.

* Đã đề xuất được những giải pháp, cơ sở lý luận, thực tiễn và lộ trình cho việc xây dựng khu bảo tồn Loài - Sinh cảnh gắn với du lịch sinh thái, du lịch về truyền thống lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc, tham quan, giải trí gắn với tri thức bản địa của tỉnh Quảng Ngãi.

* Đã xây dựng được bộ dữ liệu về thành phần các loài động thực vật bậc cao, nấm, côn trùng ở vùng rừng Cao Muôn và Cà Đam tỉnh Quảng Ngãi. Soạn thảo được cuốn sách chuyên khảo về: “Phát triển bền vững tài nguyên ĐDSH ở rừng Cao Muôn và Cà Đam, tỉnh Quảng Ngãi”.

II. Tình hình thực hiện các hoạt động bảo tồn thiên nhiên

1. Giai đoạn 2016-2018: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã lập dự án Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn dự trữ thiên nhiên khu Tây huyện Ba Tơ;

Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn dự trữ thiên nhiên khu Tây huyện Trà Bồng, với tổng diện tích 20.302 ha.

2. Từ năm 2018 đến nay: Theo Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 -2025, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 có **20.302 ha** có diện tích rừng đặc dụng. Diện tích này đã thống nhất đưa vào Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia, Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2050, theo hướng thành lập **Khu dự trữ thiên nhiên khu Tây Ba Tư** với tổng diện tích **17.976,66 ha** và **Khu bảo tồn loài sinh cảnh Cà Đam 2.325,3 ha**. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ, để thành lập các Khu rừng đặc dụng này cần thiết phải xây dựng dự án thành lập khu rừng đặc dụng.

Hiện nay, khu vực huyện Tây Ba Tư đang được Tổ chức bảo tồn Động thực vật hoang dã quốc tế (FFI) phối hợp Trung tâm GreenViet và Chi cục Kiểm lâm, Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh triển khai hoạt động điều tra loài Chà Vá Chân xám và một số hoạt động khác liên quan đến công tác bảo tồn loài tại khu vực như: (i) Dữ liệu về đa dạng sinh học bao gồm các loài thú mặt đất và linh trưởng được thu thập để phát triển kế hoạch bảo tồn loài và báo cáo tiềm khả thi khu vực bảo tồn; (ii) Xác định ranh giới khu bảo tồn trên thực địa và cả ranh giới theo truyền thống; (iii) Năng lực quản lý khu bảo tồn được cải thiện bằng cách áp dụng công cụ tuần tra SMART và cải thiện năng lực quản lý; (iv) Tuân thủ các chính sách đảm bảo an toàn xã hội trong quá trình thành lập khu bảo tồn; (v) Các sự kiện truyền thông, hội thảo thúc đẩy quá trình thành lập rừng đặc dụng và sự cần thiết hình thành khu dự trữ thiên nhiên tây huyện Ba Tư; (vi) Phương án hỗ trợ phát triển sinh kế cho người dân sinh sống xung quanh khu vực bảo tồn được xác định và thực hiện hỗ trợ.

Dự kiến sau khi các Quy hoạch nêu trên được duyệt, Chi cục Kiểm lâm sẽ tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh cho chủ trương xây dựng dự án thành lập Khu dự trữ thiên nhiên khu Tây Ba Tư để làm cơ sở xác lập khu rừng đặc dụng theo quy định nhằm bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng đặc trưng và các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm có giá trị cao về khoa học và kinh tế đang có nguy cơ bị tiêu diệt.

4. Việc giao, cho thuê đối với diện tích rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng, UBND xã đang quản lý

Tổng diện tích rừng thuộc đối tượng giao, cho thuê cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng 119.727,11 ha (*rừng tự nhiên: 96.403,71 ha; rừng trồng vốn ngân sách: 23.323,40 ha*), trong đó:

- Giao rừng cho tổ chức: 102.425,73 ha.
- + Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: 96.158,45 ha;
- + Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô: 6.047,11 ha;

- + Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 185,93 ha;
- + Tổ chức KHCCN đào tạo: 34,24 ha.
- Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (Giao rừng gắn với giao đất và cấp Giấy CNQSDĐ): 17.285,22 ha;
- Thuê rừng cho tổ chức: 16,16 ha;
- Chưa giao rừng (hiện UBND xã quản lý) chủ yếu là rừng phục hồi chưa có trữ lượng quy hoạch sản xuất, diện tích manh mún, nhỏ lẻ chưa thu hút được đối tượng nhận rừng: 2.746,97 ha.

B. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN "PHỤC HỒI VÀ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG TẠI MIỀN TRUNG VÀ MIỀN BẮC VIỆT NAM (KfW9) GIAI ĐOẠN 1, TỈNH QUẢNG NGÃI" SỬ DỤNG VỐN ODA CỦA CHÍNH PHỦ ĐỨC

I. Các căn cứ pháp lý

1. Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 13/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án "Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1, tỉnh Quảng Ngãi" sử dụng vốn ODA của Chính phủ Đức.

2. Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư dự án Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án "Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1, tỉnh Quảng Ngãi" sử dụng vốn ODA của Chính phủ Đức.

4. Văn bản số 5360/UBND-KTN ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị thẩm định khả năng vay lại, trả nợ của ngân sách địa phương thực hiện Dự án "Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1, tỉnh Quảng Ngãi" sử dụng vốn ODA của Chính phủ Đức.

II. Mục tiêu dự án

1. Mục tiêu tổng quát

Cải thiện kết quả quản lý rừng về tăng giá trị đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái rừng (môi trường sống, bảo vệ tài nguyên đất và nước) và hiệu quả kinh tế thông qua áp dụng các biện pháp quản lý rừng bền vững và hỗ trợ lâm sinh, hỗ trợ sinh kế cho người dân. Nâng cao năng lực cho các cơ quan liên quan và người dân sống trong vùng Dự án thông qua các khóa đào tạo, tập huấn, hội thảo. Các nhóm mục tiêu được hưởng lợi dài hạn về kinh tế và môi trường từ việc bảo tồn và cải thiện nguồn tài nguyên rừng tự nhiên và đa dạng sinh học thông qua tăng cường chức năng bảo vệ rừng và bảo tồn di sản thiên nhiên.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đối tượng rừng đặc dụng: Các giá trị về đa dạng sinh học (số lượng cá thể của các loài chỉ thị) và chất lượng của các hệ sinh thái rừng (trữ lượng gỗ và chất lượng tái sinh) tại các khu vực dự án hỗ trợ sẽ được cải thiện so với kết quả điều tra cơ bản thực hiện trước khi dự án tác động. Các cộng đồng địa phương sẽ tham gia tích cực hơn nữa trong công tác bảo vệ và quản lý rừng đặc dụng, đồng thời cho thấy sự nâng cao nhận thức của người dân, từ đó duy trì các hoạt động bảo vệ kể cả sau khi Dự án kết thúc.

- Đối tượng rừng phòng hộ: Cải thiện kết quả quản lý rừng về gia tăng giá trị đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái rừng (môi trường sống, bảo vệ tài nguyên đất, nước, không khí) và mang lại hiệu quả kinh tế, thông qua áp dụng các biện pháp quản lý rừng bền vững và hỗ trợ các biện pháp can thiệp lâm sinh.

III. Nhiệm vụ chủ yếu và quy mô của dự án

- Thiết lập và thực hiện hoạt động quản lý rừng cộng đồng: Số thôn tham gia: 17 thôn; Diện tích tham gia: 3.000 ha; Diện tích trồng rừng mới bằng cây bản địa: 300 ha; Diện tích trồng rừng vào khoảng trống: 300 ha.

- Bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ (Ban Quản lý rừng phòng hộ): Số thôn tham gia: 29 thôn; Diện tích khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 2.500 ha; Diện tích trồng rừng vào khoảng trống: 650 ha.

- Hỗ trợ các nhóm hợp tác hộ gia đình trong quản lý rừng bền vững; Hoạt động phát triển cộng đồng khác.

- Tăng cường năng lực; Hội thảo, hội nghị, tham quan và tập huấn; Giám sát, lập bản đồ và nghiên cứu.

IV. Tổng mức đầu tư: 114.750 triệu đồng (tương đương 4.250.000 Euro, tương đương 5.141.589 USD).

1. Tổng vốn ODA: 3.350.000 Euro (tương đương 90.450 triệu đồng, tương đương 4.052.783 USD), trong đó:

1.1. *Vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Đức:* 2.100.000 Euro (tương đương 56.700 triệu đồng, tương đương 2.540.550 USD).

1.2. *Vốn vay ODA của Chính phủ Đức:* 1.250.000 Euro (tương đương 33.750 triệu đồng, tương đương 1.512.232 USD), trong đó:

- Trung ương cấp phát cho tỉnh Quảng Ngãi (30%): 375.000 Euro (tương đương 10.125 triệu đồng và tương đương 453.670 USD).

- Tỉnh Quảng Ngãi vay lại (70%): 875.000 Euro (tương đương 23.625 triệu đồng và tương đương 1.058.562 USD).

2. Vốn đối ứng: 24.300 triệu đồng (tương đương 900.000 Euro, tương đương 1.088.807 USD).

V. Các hợp phần, các hoạt động thực hiện:

- 1. Hợp phần 1:** Cải thiện công tác quản lý rừng đặc dụng và vườn quốc gia.
- 2. Hợp phần 2:** Cải thiện công tác quản lý rừng phòng hộ và rừng cộng đồng.
- 3. Hợp phần 3:** Triển khai các biện pháp giáo dục về môi trường (Giáo dục kinh nghiệm về Lâm nghiệp - FEP)
4. Chi hoạt động Ban quản lý dự án.
5. Chi khác.

C. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ NỘI DUNG DỰ KIẾN THAM GIA DỰ ÁN

I. Sự cần thiết

Dự án "Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1, tỉnh Quảng Ngãi" sử dụng vốn ODA của Chính phủ Đức hướng đến phát triển bền vững; nếu Dự án đi vào thực hiện sẽ mang lại hiệu quả lâu dài về xã hội, môi trường và kinh tế; góp phần nâng cao năng lực quản lý, nâng thu nhập của người dân sống gần rừng. Mặc dù dự án đã được trung ương, địa phương phê duyệt, tuy nhiên do những nguyên nhân đã không thể tổ chức thực hiện dự án theo tiến độ đề ra; nguồn lực ODA dự kiến đầu tư của giai đoạn 2021-2025 của dự án đã ảnh hưởng đến các hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh đối với lĩnh vực lâm nghiệp.

Vì vậy, được dự án này đề xuất tiếp tục thực hiện các nội dung để quản lý rừng phòng hộ, rừng cộng đồng đã được phê duyệt theo Dự án "Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1, tỉnh Quảng Ngãi" là rất cần thiết trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn hiện nay.

II. Nhiệm vụ chủ yếu đề xuất thực hiện của dự án

- Thiết lập và thực hiện hoạt động quản lý rừng cộng đồng.
- Bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.
- Hỗ trợ các nhóm hợp tác hộ gia đình trong quản lý rừng bền vững; Hoạt động phát triển cộng đồng khác.
- Tăng cường năng lực; Hội thảo, hội nghị, tham quan và tập huấn; Giám sát, lập bản đồ.

III. Các hoạt động chính của dự án

- a) Cải thiện công tác quản lý rừng đặc dụng và vườn quốc gia.
- b) Cải thiện công tác quản lý rừng phòng hộ và rừng cộng đồng.
- c) Triển khai các biện pháp giáo dục về môi trường (Giáo dục kinh nghiệm về Lâm nghiệp - FEP)
- d) Hoạt động Ban quản lý dự án.

IV. Khái toán nguồn kinh phí dự kiến

Kính đề xuất xem xét bố trí vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Đức:

9.000.000 Euro.

(sau khi được lựa chọn tham gia đề xuất dự án, sẽ có khái toán cho từng hạng mục của dự án)

V. Thông tin các huyện đề xuất thực hiện dự án

1. Huyện Ba To

- Số xã: 17 xã, gồm các xã: Ba Giang; Ba Lê; Ba Nam; Ba Ngạc; Ba Tiêu; Ba Vi; Ba Xa; Ba Liên; Ba Cung; Ba Vinh; Ba Trang; Ba Khâm; Ba Bích; Ba Tô; Ba Dinh; Ba Điền và Ba Thành.

- Tổng diện tích đất có rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 40.388 ha. (Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: 27.481 ha; Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô: 5.942 ha; các hộ gia đình, cộng đồng dân cư: 8.805 ha; UBND cấp xã quản lý: 142 ha).

- Số lượng đối tượng chủ rừng: Tổ chức (Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh, Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô); các hộ gia đình, cộng đồng dân cư và UBND cấp xã quản lý.

2. Huyện Minh Long

- Số xã: 05 xã, gồm các xã: Long Hiệp; Long Môn; Long Mai; Long Sơn và Thanh An.

- Tổng diện tích đất có rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 9.125 ha. (Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: 8.904 ha; các hộ gia đình, cộng đồng dân cư: 221 ha).

- Số lượng đối tượng chủ rừng: Tổ chức (Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh; các hộ gia đình, cộng đồng dân cư).

3. Huyện Trà Bông

- Số xã: 13 xã, gồm các xã: Trà Bù; Trà Giang; Trà Hiệp; Trà Lâm; Trà Sơn; Trà Tân; Trà Thủy; Trà Phong; Trà Xinh; Trà Thanh; Hương Trà; Sơn Trà; Trà Tây.

- Tổng diện tích đất có rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 22.131 ha. (Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: 18.119 ha; các hộ gia đình, cộng đồng dân cư: 4.012 ha)

- Số lượng đối tượng chủ rừng: Tổ chức (Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh); các hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

4. Huyện Sơn Hà

- Số xã: 14 xã, gồm các xã: TT Di Lăng; Sơn Ba; Sơn Bao; Sơn Cao; Sơn Giang; Sơn Hải; Sơn Hạ; Sơn Trung; Sơn Thủy; Sơn Thượng; Sơn Thành; Sơn Nham; Sơn Linh và Sơn Kỳ.

- Tổng diện tích đất có rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên: **22.388** ha (Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: **22.388** ha);

- Số lượng đối tượng chủ rừng: Tổ chức (Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh);

** Ghi chú: Diện tích rừng quản lý của hộ gia đình, cộng đồng dân cư nhỏ lẻ.*

5. Huyện Sơn Tây

- Số xã: 09 xã, gồm các xã: Sơn Dung; Sơn Bua; Sơn Lập; Sơn Liên; Sơn Long; Sơn Màu; Sơn Mùa; Sơn Tinh; Sơn Tân .

- Tổng diện tích đất có rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên: **14.357** ha. (Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: **13.636** ha; các hộ gia đình, cộng đồng dân cư: **721** ha).

- Số lượng đối tượng chủ rừng: Tổ chức (Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh); các hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

(có phụ biểu 02 kèm theo).

4. Thông tin đề xuất hiện trường

a) Đi vùng dự án KfW6:

- Khu vực rừng cộng đồng thôn Khánh Giang - Trường Lệ, xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành.

b) Đi vùng dự kiến đề xuất tham gia dự án mới

- Vị trí 1: Xã Ba Trang, huyện Ba Tư **hoặc**;

- Vị trí 2: xã: Ba Xa huyện Ba Tư.

Trên đây là một số thông tin về lĩnh vực lâm nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH QUẢNG NGÃI